

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ**Quy định phương pháp, trình tự lập,
thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện**

Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 3 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 14/2022/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện.¹

¹ Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện có căn cứ ban hành như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện.

2. Thông tư này áp dụng đối với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Đơn vị truyền tải điện², Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, Công ty mua bán điện, các Tổng công ty Điện lực trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam³ và khách hàng mua điện trực tiếp từ lưới truyền tải điện.

3.⁴ Thông tư này không áp dụng đối với nhà đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng lưới điện truyền tải từ sân phân phối của một hoặc một số nhà máy điện để tải công

“Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực,”

² Cụm từ “Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia” được thay thế bởi cụm từ “Đơn vị truyền tải điện” theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

³ Cụm từ “Tổng công ty Điện lực” được thay thế bởi cụm từ “Tổng công ty Điện lực trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam” theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

⁴ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

suất của một hoặc một số nhà máy điện đến điểm đầu nối (là điểm nối trang thiết bị, lưới điện và nhà máy điện vào hệ thống điện quốc gia) có thỏa thuận khác với bên mua điện trong việc thu hồi chi phí xây dựng, quản lý, vận hành, bảo dưỡng của lưới điện truyền tải trên.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Điểm giao nhận điện* là điểm giao nhận điện giữa Đơn vị truyền tải điện⁵ với Tổng công ty Điện lực trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam⁶ và khách hàng mua điện trực tiếp từ lưới truyền tải điện.

2. *Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện* là đơn vị chỉ huy, điều khiển quá trình phát điện, truyền tải điện, phân phối điện trong hệ thống điện quốc gia, điều hành giao dịch thị trường điện.

3. *Đơn vị phải trả chi phí truyền tải điện* là Tập đoàn Điện lực Việt Nam⁷, Công ty mua bán điện, Tổng công ty Điện lực trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam⁸ và khách hàng mua điện trực tiếp từ lưới truyền tải điện.

⁵ Cụm từ “Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia” được thay thế bởi cụm từ “Đơn vị truyền tải điện” theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

⁶ Cụm từ “Tổng công ty Điện lực” được thay thế bởi cụm từ “Tổng công ty Điện lực trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam” theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

⁷ Cụm từ “Tập đoàn Điện lực Việt Nam” được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

⁸ Cụm từ “Tổng công ty Điện lực” được thay thế bởi cụm từ “Tổng công ty Điện lực trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam” theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

4. Năm N là năm dương lịch tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm áp dụng giá.

5. Năm $N-1$ là năm dương lịch liền trước năm N .

6. Năm $N-2$ là năm dương lịch liền trước năm $N-1$.

7. CPI là chỉ số giá tiêu dùng do Tổng cục Thống kê công bố.

8. Tài sản truyền tải điện gồm lưới điện truyền tải, các công trình xây dựng và các trang thiết bị phụ trợ khác được sử dụng cho hoạt động truyền tải điện do Đơn vị truyền tải điện⁹ sở hữu.

9.¹⁰ Đơn vị truyền tải điện là đơn vị điện lực được cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực truyền tải điện, có trách nhiệm quản lý vận hành lưới điện truyền tải quốc gia, bao gồm:

- Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia;

- Các thành phần kinh tế khác đầu tư lưới truyền tải điện theo Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội.

10.¹¹ Khách hàng sử dụng lưới điện truyền tải là tổ chức, cá nhân có trang thiết bị điện, lưới điện đấu nối vào lưới điện truyền tải để sử dụng dịch vụ truyền tải điện, bao gồm Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Tổng công ty Điện lực trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và khách hàng mua điện trực tiếp từ lưới truyền tải điện.

⁹ Cụm từ “Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia” được thay thế bởi cụm từ “Đơn vị truyền tải điện” theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

¹⁰ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

¹¹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

Chương II

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRUYỀN TẢI ĐIỆN

Điều 3. Phương pháp xác định giá truyền tải điện

1. Giá truyền tải điện hàng năm áp dụng thống nhất toàn quốc không phụ thuộc vào khoảng cách truyền tải điện và điểm giao nhận điện.

2.¹² Giá truyền tải điện được xác định hàng năm trên cơ sở các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ cho hoạt động truyền tải điện của Đơn vị truyền tải điện với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu được xác định theo phương án giá bán lẻ điện đang áp dụng tại thời điểm tính giá truyền tải điện hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Giá truyền tải điện năm N (g_{TT_N}) được xác định căn cứ vào tổng doanh thu truyền tải điện cho phép năm N của Đơn vị truyền tải điện¹³ và tổng sản lượng điện năng truyền tải dự kiến năm N , được tính theo công thức sau:

$$g_{TT_N} = \frac{G_{TT_N}}{A_{SL_N}}$$

Trong đó:

G_{TT_N} : Tổng doanh thu truyền tải điện cho phép năm N của Đơn vị truyền tải điện¹⁴ (đồng);

A_{SL_N} : Tổng sản lượng điện năng truyền tải dự kiến năm N (kWh).

¹² Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

¹³ Cụm từ “Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia” được thay thế bởi cụm từ “Đơn vị truyền tải điện” theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

¹⁴ Cụm từ “Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia” được thay thế bởi cụm từ “Đơn vị truyền tải điện” theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

Điều 4. Phương pháp xác định tổng doanh thu truyền tải điện cho phép hàng năm

Tổng doanh thu truyền tải điện cho phép năm N (G_{TT_N}) bao gồm các thành phần chi phí vốn cho phép ($C_{CAP_{TT_N}}$), chi phí vận hành và bảo dưỡng cho phép ($C_{OM_{TT_N}}$) và lượng điều chỉnh doanh thu năm N , được xác định theo công thức sau:

$$G_{TT_N} = C_{CAP_{TT_N}} + C_{OM_{TT_N}} - D_{GT_N}$$

Trong đó:

- $C_{CAP_{TT_N}}$: Tổng chi phí vốn truyền tải điện cho phép năm N của Đơn vị truyền tải điện¹⁵ (đồng);
- $C_{OM_{TT_N}}$: Tổng chi phí vận hành và bảo dưỡng truyền tải điện cho phép năm N của Đơn vị truyền tải điện¹⁶ (đồng);
- D_{GT_N} : Lượng điều chỉnh doanh thu năm N bao gồm lãi tiền gửi dự kiến của Đơn vị truyền tải điện¹⁷ năm N (được xác định bằng lãi tiền gửi của năm $N-2$), thu nhập từ thanh lý, bán tài sản cố định, vật tư thiết bị dự kiến năm N (căn cứ kế hoạch thanh lý, bán tài sản và vật tư thiết bị năm N).

Điều 5. Phương pháp xác định tổng chi phí vốn truyền tải điện cho phép

1. Tổng chi phí vốn truyền tải điện cho phép năm N ($C_{CAP_{TT_N}}$) được xác định theo công thức sau:

¹⁵ Cụm từ “Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia” được thay thế bởi cụm từ “Đơn vị truyền tải điện” theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

¹⁶ Cụm từ “Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia” được thay thế bởi cụm từ “Đơn vị truyền tải điện” theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

¹⁷ Cụm từ “Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia” được thay thế bởi cụm từ “Đơn vị truyền tải điện” theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

$$C_{CAP_{TTN}} = C_{KH_N} + C_{TC_N} + CLTG_{TT_N} + CLTG_{DGL_N} + CLTG_{CPB_N} + LN_N$$

Trong đó:

- C_{KH_N} : Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định dự kiến năm N (đồng);
- C_{TC_N} : Tổng chi phí tài chính dự kiến bao gồm lãi vay ngắn hạn, dài hạn, trái phiếu, thuê tài chính và các khoản phí để vay vốn phải trả năm N cho tài sản truyền tải điện (đồng);
- $CLTG_{TT_N}$: Chênh lệch tỷ giá thực hiện dự kiến phát sinh do trả nợ vay bằng ngoại tệ năm N (đồng);
- $CLTG_{DGL_N}$: Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại dự kiến năm N (đồng);
- $CLTG_{CPB_N}$: Lượng phân bổ dự kiến năm N của khoản lỗ chênh lệch tỷ giá chưa được phân bổ của các năm trước;
- LN_N : Lợi nhuận truyền tải điện cho phép dự kiến năm N (đồng).

2. Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định dự kiến năm N (C_{KH_N}) được xác định theo quy định về thời gian sử dụng và phương pháp trích khấu hao tài sản cố định của Bộ Tài chính.

3. Tổng chi phí tài chính dự kiến năm N (C_{TC_N}) được xác định theo các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thuê tài chính của các tài sản truyền tải điện.

4. Chênh lệch tỷ giá thực hiện dự kiến phát sinh do trả nợ vay bằng ngoại tệ năm N ($CLTG_{TT_N}$) được xác định theo quy định tài chính kế toán.

5. Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại dự kiến năm N ($CLTG_{DGL_N}$) được xác định theo quy định tài chính kế toán.

6. Lượng phân bổ dự kiến năm N của khoản lỗ chênh lệch tỷ giá chưa được phân bổ của các năm trước ($CLTG_{CPB_N}$) được xác định theo quy định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

7. Lợi nhuận cho phép dự kiến năm N (LN_N) được xác định theo công thức sau:

$$LN_N = V_{CSH_N} \times ROE_N$$

Trong đó:

- V_{CSH_N} : Vốn chủ sở hữu của các Đơn vị truyền tải điện đến ngày 30 tháng 6 năm $N-1$ (đồng), trong đó vốn chủ sở hữu của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia là vốn Nhà nước do Tập đoàn Điện lực Việt Nam đầu tư tại Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia cho sản xuất kinh doanh điện theo báo cáo tài chính quý II năm $N-1$, vốn chủ sở hữu

của các thành phần kinh tế khác đầu tư lưới truyền tải điện theo Luật số 03/2022/QH15 là vốn hình thành tài sản truyền tải điện được đầu tư theo quy định tại Điều 6 Luật số 03/2022/QH15 và các quy định pháp luật có liên quan;¹⁸

ROE_N : Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu năm N áp dụng cho Đơn vị truyền tải điện (%), được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.¹⁹

Điều 6. Phương pháp xác định tổng chi phí vận hành và bảo dưỡng truyền tải điện cho phép

1. Tổng chi phí vận hành và bảo dưỡng truyền tải điện cho phép năm N ($C_{OM_{TN}}$) được xác định theo công thức sau:

$$C_{OM_{TN}} = C_{VL_N} + C_{TL_N} + C_{SCL_N} + C_{MN_N} + C_{K_N}$$

Trong đó:

- C_{VL_N} : Tổng chi phí vật liệu dự kiến năm N (đồng);
- C_{TL_N} : Tổng chi phí tiền lương dự kiến năm N (đồng);
- C_{SCL_N} : Tổng chi phí sửa chữa lớn dự kiến năm N (đồng);
- C_{MN_N} : Tổng chi phí dịch vụ mua ngoài dự kiến năm N (đồng);
- C_{K_N} : Tổng chi phí bằng tiền khác dự kiến năm N (đồng).

2. Phương pháp xác định chi phí vật liệu

a) Tổng chi phí vật liệu dự kiến năm N (C_{VL_N}) bao gồm chi phí vật liệu trong định mức và chi phí vật liệu sự cố, cụ thể như sau:

- Chi phí vật liệu định mức bao gồm: Chi phí dầu máy, dầu mỡ bôi trơn, vật liệu, công cụ, dụng cụ trực tiếp và gián tiếp cho nhà xưởng, công tác thí nghiệm, vật liệu cho sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên, vật liệu, công cụ, dụng cụ, máy, đồ

¹⁸ Giải thích ký hiệu " V_{CSH_N} " được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

¹⁹ Giải thích ký hiệu " ROE_N " được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

dùng cho công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng đường dây, trạm biến áp, máy biến áp, công tác văn phòng, cơ quan và các chi phí khác có liên quan được xác định theo định mức quy định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành;

- Chi phí vật liệu sự cố là khoản chi phí vật liệu dùng cho các sự cố bất thường, khách quan được xác định theo quy định của pháp luật²⁰.

b) Tổng chi phí vật liệu dự kiến năm N được xác định theo công thức sau:

$$C_{VL_N} = A_{SL_N} \times DG_{VL} \times (1 + I_{G_N}) + C_{SC_N}$$

Trong đó:

A_{SL_N} : Tổng sản lượng điện năng truyền tải dự kiến năm N (kWh);

DG_{VL} : Định mức chi phí vật liệu xác định theo quy định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành (đ/kWh);

I_{G_N} : Chỉ số trượt giá năm N lấy bằng CPI năm $N-2$ nhưng không vượt quá 2,5% (%);

C_{SC_N} : Chi phí vật liệu sự cố dự kiến năm N (đồng).

3.²¹ Phương pháp xác định chi phí nhân công

Tổng chi phí nhân công dự kiến năm N (C_{TL_N}) của Đơn vị truyền tải điện bao gồm chi phí tiền lương và các chi phí có tính chất lương, được xác định theo quy định của pháp luật. Chi phí tiền lương của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia được xác định theo quy định của pháp luật về quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động và tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Các chi phí có tính chất lương của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia bao gồm: chế độ an toàn điện, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo

²⁰ Cụm từ “theo quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam” được thay thế bởi cụm từ “theo quy định của pháp luật” theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

²¹ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn được xác định theo quy định của pháp luật có liên quan.

Trường hợp không xác định được tổng chi phí nhân công theo trường hợp trên, áp dụng phương pháp tính toán tổng chi phí nhân công theo công thức sau:

$$C_{TL_N} = NGTS_N \times k_{nc}$$

Trong đó:

$NGTS_N$: Nguyên giá tài sản cố định truyền tải điện năm N của Đơn vị truyền tải điện (đồng);

k_{nc} : Tỷ lệ chi phí nhân công (%) do Bộ Công Thương công bố hàng năm bằng văn bản hành chính.

4. Phương pháp xác định chi phí sửa chữa lớn

Tổng chi phí sửa chữa lớn dự kiến năm N (C_{SCL_N}) bao gồm chi phí phục vụ công tác sửa chữa lớn các công trình phục vụ khâu truyền tải điện, được xác định theo định mức của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành.

5. Phương pháp xác định chi phí dịch vụ mua ngoài

a) Tổng chi phí dịch vụ mua ngoài dự kiến năm N (C_{MN_N}) bao gồm:

- Chi phí trả cho tổ chức, cá nhân ngoài đơn vị cung cấp các dịch vụ sau: Điện, nước, dịch vụ điện thoại, viễn thông, sách báo;

- Chi phí thuê tư vấn kiểm toán;

- Chi phí thuê tài sản;

- Chi phí bảo hiểm tài sản;

- Chi phí cho các dịch vụ khác có ký hợp đồng cung cấp dịch vụ để phục vụ cho công tác quản lý, vận hành, bảo dưỡng trạm và đường dây truyền tải điện.

b) Tổng chi phí dịch vụ mua ngoài dự kiến năm N được xác định theo công thức sau:

$$C_{MN_N} = A_{SL_N} \times DG_{MN} \times (1 + I_{G_N})$$

Trong đó:

A_{SL_N} : Tổng sản lượng điện năng truyền tải dự kiến năm N (kWh);

DG_{MN} : Định mức chi phí dịch vụ mua ngoài xác định theo quy định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành (đ/kWh);

I_{G_N} : Chỉ số trượt giá năm N xác định theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này (%).

6. Phương pháp xác định chi phí bằng tiền khác

a) ²² Tổng chi phí bằng tiền khác năm N (C_{K_N}) bao gồm: Chi phí bằng tiền khác trong định mức, chi phí bằng tiền khác sự cố, các khoản thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, chi phí tiền ăn ca và các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật;

b) Tổng chi phí bằng tiền khác năm N được xác định theo công thức sau:

$$C_{K_N} = A_{SL_N} \times DG_K \times (1 + I_{G_N}) + C_{SC_N} + C_{T_N} + C_{AC_N}$$

Trong đó:

A_{SL_N} : Tổng sản lượng điện năng truyền tải dự kiến năm N (kWh);

DG_K : Định mức chi phí bằng tiền khác xác định theo quy định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành (đ/kWh);

I_{G_N} : Chỉ số trượt giá năm N xác định theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này (%);

C_{SC_N} : Chi phí bằng tiền khác sự cố năm N (đồng);

C_{T_N} : Các khoản thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất năm N (đồng);

C_{AC_N} : Chi phí tiền ăn ca năm N (đồng).

c) Chi phí bằng tiền khác theo định mức năm N bao gồm: Công tác phí; chi phí hội nghị, tiếp khách; chi phí đào tạo; chi phí nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến; chi phí dân quân tự vệ, bảo vệ, phòng chống bão lụt, phòng cháy chữa cháy; chi phí bảo hộ lao động, trang phục làm việc, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và môi trường; chi phí nước uống trong giờ làm việc, bồi dưỡng hiện vật ca đêm, độc hại; chi phí sơ cấp cứu tai nạn lao động, thuốc chữa bệnh thông thường, phục hồi chức năng cho người lao động và chi phí tuyển dụng;

²² Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

d) Chi phí bằng tiền khác sự cố năm N (C_{SC_N}) là khoản chi phí bằng tiền khác dùng cho các sự cố bất thường, khách quan được xác định theo quy định của pháp luật²³;

đ) Các khoản thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất năm N (C_{T_N}) được xác định trên cơ sở thực hiện trong năm $N-2$;

e) Chi phí tiền ăn ca năm N (C_{AC_N}) được xác định theo quy định hiện hành.

7.²⁴ Trường hợp không xác định được các chi phí theo định mức quy định tại khoản 2, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này, áp dụng phương pháp tính toán tổng chi phí sửa chữa lớn và chi phí định mức khác (bao gồm chi phí vật liệu, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác định mức) theo công thức sau:

$$C_{SCL,KN} = NGTS_N \times k_{scl,k}$$

Trong đó:

$C_{SCL,KN}$: Tổng chi phí sửa chữa lớn và chi phí định mức khác (bao gồm chi phí vật liệu, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác định mức) của Đơn vị truyền tải điện (đồng);

$k_{scl,k}$: Tỷ lệ chi phí sửa chữa lớn và chi phí định mức khác (%) do Bộ Công Thương công bố hàng năm bằng văn bản hành chính.

Chương III

TRÌNH TỰ LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT GIÁ TRUYỀN TẢI ĐIỆN

Điều 7. Trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện

²³ Cụm từ “theo quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam” được thay thế bởi cụm từ “theo quy định của pháp luật” theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

²⁴ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 1 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

1.²⁵ Trước ngày 01 tháng 11 hàng năm (năm $N-1$), các Đơn vị truyền tải điện có trách nhiệm phối hợp, xây dựng và gửi hồ sơ chi phí truyền tải điện năm N về Tập đoàn Điện lực Việt Nam để tổng hợp, xây dựng giá truyền tải điện năm N , gửi một bản sao báo cáo về Cục Điều tiết điện lực để biết.

2. Trước ngày 15 tháng 11 hàng năm (năm $N-1$), Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm trình Cục Điều tiết điện lực thẩm định đề trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt giá truyền tải điện năm N .

3. Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm thẩm định hồ sơ giá truyền tải điện và được sử dụng tư vấn để thẩm định hồ sơ giá truyền tải điện trong trường hợp cần thiết. Trường hợp hồ sơ giá truyền tải điện không hợp lệ theo quy định tại Điều 8 Thông tư này, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm hoàn chỉnh, bổ sung trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Cục Điều tiết điện lực.

4.²⁶ Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Tập đoàn Điện lực Việt Nam cung cấp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 8 Thông tư này, Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt giá truyền tải điện năm N .

5.²⁷ Trường hợp giá truyền tải điện năm N chưa được công bố trước ngày 31 tháng 12 năm $N-1$, các bên thỏa thuận việc tạm thanh toán tại hợp đồng dịch vụ truyền tải điện cho đến khi giá truyền tải điện năm N được công bố. Phần chênh lệch do thanh toán theo giá tạm tính và giá truyền tải điện mới (năm N) được các bên quyết toán lại sau khi giá truyền tải điện năm N được phê duyệt.

²⁵ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

²⁶ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

²⁷ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 1 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

Điều 8. Hồ sơ giá truyền tải điện

1. Tờ trình phê duyệt giá truyền tải điện năm N .

2. Thuyết minh và các bảng tính giá truyền tải điện năm N , gồm:

a) Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản lượng điện truyền tải, tỷ lệ tổn thất truyền tải, tình hình thực hiện doanh thu, các chi phí năm $N-1$; phân tích, đánh giá tình hình thực hiện lợi nhuận, vốn chủ sở hữu, các chỉ tiêu tài chính như tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, cơ cấu vốn chủ sở hữu và vốn vay, tỷ lệ tự đầu tư, tỷ lệ thanh toán nợ đến ngày 30 tháng 6 năm $N-1$;

b) Thuyết minh và tính toán tổng chi phí vốn cho phép năm N ($C_{CAP_{TN}}$) của Đơn vị truyền tải điện²⁸, gồm:

- Tổng chi phí khấu hao năm N : Bảng tổng hợp trích khấu hao tài sản cố định năm N và bảng tính chi tiết chi phí khấu hao cơ bản theo từng loại tài sản cố định trong năm N ;

- Tổng chi phí tài chính và các khoản chênh lệch tỷ giá năm N : Bảng tính chi tiết chi phí tài chính, chi tiết lãi vay và các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm N ;

- Vốn chủ sở hữu ước tính đến hết năm $N-1$ và dự kiến năm N : Thuyết minh và bảng tính chi tiết tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu năm $N-1$ và năm N ;

- Lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, tỉ lệ tự đầu tư, tỉ lệ thanh toán nợ dự kiến năm N .

c) Thuyết minh và tính toán tổng chi phí vận hành và bảo dưỡng cho phép năm N ($C_{OP_{TN}}$) của Đơn vị truyền tải điện²⁹, gồm:

²⁸ Cụm từ “Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia” được thay thế bởi cụm từ “Đơn vị truyền tải điện” theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

²⁹ Cụm từ “Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia” được thay thế bởi cụm từ “Đơn vị truyền tải điện” theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

- Tổng chi phí vật liệu năm N : Thuyết minh và bảng tính chi phí vật liệu ước thực hiện của năm $N-1$ và dự kiến của năm N theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư này;

- Tổng chi phí tiền lương năm N : Thuyết minh và bảng tính chi phí tiền lương theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư này;

- Tổng chi phí sửa chữa lớn năm N : Thuyết minh và bảng tính chi phí sửa chữa lớn trong năm N theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Thông tư này;

- Tổng chi phí dịch vụ mua ngoài năm N : Thuyết minh và bảng tính chi phí dịch vụ mua ngoài theo các hạng mục ước thực hiện năm $N-1$ và dự kiến của năm N theo quy định tại Khoản 5 Điều 6 Thông tư này;

- Tổng chi phí bằng tiền khác năm N : Thuyết minh và bảng tính chi phí bằng tiền khác ước thực hiện năm $N-1$ và dự kiến cho năm N theo quy định tại Khoản 6 Điều 6 Thông tư này.

d)³⁰ Thuyết minh và tính toán tổng doanh thu truyền tải điện cho phép năm N , trong đó phân tách rõ tổng doanh thu truyền tải điện cho phép của từng Đơn vị truyền tải điện;

đ)³¹ Hồ sơ chi phí truyền tải điện của các Đơn vị truyền tải điện đã gửi cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Hồ sơ chi phí truyền tải điện của các Đơn vị truyền tải điện bao gồm thuyết minh, bảng tính các thành phần chi phí của đơn vị theo quy định tại Thông tư này và các tài liệu, số liệu có liên quan để xác định các chi phí.

3. Các tài liệu kèm theo, gồm:

a) Danh mục và giá trị các dự án đầu tư đã hoàn thành, dự kiến đưa vào vận hành tới ngày 31 tháng 12 năm $N-1$ và năm N (theo từng tháng) phù hợp với Quy

³⁰ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 1 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

³¹ Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

hoạch phát triển điện lực quốc gia và kế hoạch mở rộng lưới truyền tải điện hàng năm của Đơn vị truyền tải điện³² đã được duyệt;

b) Bảng tổng hợp về số lao động năm $N-1$ và kế hoạch năm N ;

c) Danh mục các hạng mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm $N-1$ và dự kiến cho năm N ;

d) Báo cáo tài chính năm $N-2$ đã được kiểm toán do Cơ quan kiểm toán độc lập thực hiện: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo thuyết minh;

đ) Định mức các thành phần chi phí sử dụng trong hồ sơ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Hợp đồng dịch vụ truyền tải điện³³

1. Hợp đồng dịch vụ truyền tải điện được ký kết giữa các Đơn vị truyền tải điện và Khách hàng sử dụng lưới điện truyền tải.

2. Khách hàng sử dụng lưới điện truyền tải có trách nhiệm thanh toán chi phí truyền tải điện cho Đơn vị truyền tải điện theo hợp đồng đã ký kết.

Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan

1. Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này và giải quyết các tranh chấp phát sinh liên quan.

³² Cụm từ “Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia” được thay thế bởi cụm từ “Đơn vị truyền tải điện” theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

³³ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

2.³⁴ Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm tổng hợp chi phí truyền tải điện của các Đơn vị truyền tải điện và xây dựng giá truyền tải điện hàng năm theo quy định tại Thông tư này.

3.³⁵ Trách nhiệm của các Đơn vị truyền tải điện:

a) Phối hợp với Tập đoàn Điện lực Việt Nam xây dựng giá truyền tải điện hàng năm theo quy định tại Thông tư này;

b) Phối hợp với Công ty mua bán điện và các đơn vị giao nhận điện liên quan trong việc thỏa thuận, thống nhất về thiết kế kỹ thuật Hệ thống đo đếm và Hệ thống thu thập số liệu đo đếm phục vụ giao nhận điện theo Quy định đo đếm điện năng trong hệ thống điện do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành;

c) Thỏa thuận, thống nhất với Tập đoàn Điện lực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ truyền tải điện theo quy định của pháp luật;

d) Hàng năm, xây dựng hoặc thuê tư vấn chuyên ngành xây dựng tỷ lệ chi phí nhân công, tỷ lệ chi phí sửa chữa lớn và chi phí định mức khác đề xuất Bộ Công Thương công bố áp dụng;

đ) Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia có trách nhiệm thỏa thuận đấu nối với các thành phần kinh tế khác thực hiện đầu tư lưới truyền tải điện về điểm đấu nối, ranh giới đầu tư, ranh giới đo đếm, phương thức giao nhận điện phù hợp với quy định tại Quy định hệ thống điện truyền tải và Quy định đo đếm điện năng trong hệ thống điện do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành;

e) Các thành phần kinh tế khác đầu tư lưới truyền tải điện có trách nhiệm thỏa thuận đấu nối với Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia và Thỏa thuận đấu nối với Khách hàng sử dụng lưới điện truyền tải về ranh giới đầu tư, ranh giới phân định tài sản, ranh giới đo đếm theo quy định tại Quy định hệ thống điện truyền tải do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành để làm cơ sở xác định sản lượng điện truyền tải.

³⁴ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 1 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

³⁵ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 1 Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.

Điều 11. Hiệu lực thi hành³⁶

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 3 năm 2017. Thông tư số 14/2010/TT-BCT ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp lập, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành và quản lý giá truyền tải điện; Thông tư số 03/2012/TT-BCT ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2010/TT-BCT ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp lập, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành và quản lý giá truyền tải điện hết hiệu lực thi hành từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm trình hồ sơ giá truyền tải điện năm 2017 theo quy định tại Thông tư này./.

BỘ CÔNG THƯƠNG**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: 10/VBHN-BCT

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2022
BỘ TRƯỞNG**Nguyễn Hồng Diên**

³⁶ Điều 3 của Thông tư số 14/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022 quy định như sau:

“Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 11 năm 2022.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Điều 1 Thông tư này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản mới.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phản ánh về Bộ Công Thương để bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.”